

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số 33 /2021/HNGĐ - ST

Ngày 25/11/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đồi.

2. Bà Võ Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Số 25 Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lưu Như C, sinh năm 1980; Trú tại: 11 N, tổ 4, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thùy L; Sinh năm 1985. Trú tại: 11 N, tổ 4, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - ông Lưu Như C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị Thùy L kết hôn năm 2006. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường T , quận S , thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc tại nhà của bố mẹ vợ tôi. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L làm ăn gây ra nợ nần nhiều nên gia đình phải bán căn nhà của bố mẹ bà L để trả nợ. Sau khi trả xong hết nợ, tưởng rằng bà L sẽ quay về sống với chồng con nhưng bà L vẫn thường xuyên bỏ nhà đi thuê nhà ở nhiều nơi không ổn định, chỉ thỉnh thoảng về thăm con, còn tôi và con vẫn sống cùng với mẹ vợ. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và bà Lê Thị Thùy L không còn nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Lê Thị Thùy L.

- *Về con chung*: Tôi và bà Lê Thị Thùy L có 01 con chung là Lưu Thiên Tr, sinh ngày 27/9/2007. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi con Lưu Thiên Tr, không yêu cầu bà Lê Thị Thùy L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: vợ chồng tôi không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: vợ chồng tôi không có nợ chung.

* Bà Lê Thị Thùy L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của bà trong hồ sơ vụ án và bà cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là ông Lưu Như C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là bà Lê Thị Thùy L liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của ông Lưu Như C đối với bà Lê Thị Thùy L.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao con Lưu Thiên Tr, sinh ngày 27/9/2007 cho ông Lưu Như C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi. Do ông Lưu Như C không yêu cầu bà Lê Thị Thùy L cấp dưỡng nuôi con nên bà Lê Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Lưu Như C xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của ông Lưu Như C đối với bà Lê Thị Thùy L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là bà Lê Thị Thùy L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lưu Như C và bà Lê Thị Thùy L kết hôn năm 2006. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 210, quyển số 02/2006 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 10 năm 2006). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông Lưu Như C, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Lê Thị Thùy L vắng mặt, không thu thập được lời khai của bà, nhưng qua lời trình bày của ông Lưu Như C và qua xác minh thì được biết hiện tại ông bà đang sống ly thân, ông Lưu Như C cùng con vẫn sống tại nhà của mẹ ruột bà L, còn bà L thì thường xuyên bỏ đi thuê nhà ở riêng, thỉnh thoảng mới về thăm con. Trước đó ông bà có cãi vã, mâu thuẫn với nhau, đã được gia đình và tổ trưởng khuyến bảo nhưng không có kết quả; việc bà Lê Thị Thùy L chọn giải pháp sống mỗi người một nơi chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập đối với bà Lê Thị Thùy L nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Lê Thị Thùy L không hợp tác chứng tỏ bà Lê Thị Thùy L cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX thấy cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lưu Như C là phù hợp.

[3] Về con chung: ông Lưu Như C có 01 con chung với bà Lê Thị Thùy L là Lưu Thiên Tr, sinh ngày 27/9/2007. Khi ly hôn, nguyện vọng của ông Lưu Như C là được nuôi con Lưu Thiên Tr, không yêu cầu bà Lê Thị Thùy L cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của ông Lưu Như C về việc nuôi con thì thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông Lưu Như C là người trực tiếp nuôi con, khi được hỏi ý kiến cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với bố; bản thân bà Lê Thị Thùy L liên tục không có mặt để tham gia tố tụng chứng tỏ bà cũng không tha thiết gì đến việc nuôi

con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Lưu Thiên Tr HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lưu Thiên Tr cho ông Lưu Như C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lưu Thiên Tr đủ 18 tuổi. Ông Lưu Như C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên bà Lê Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Lưu Như C xác định ông và bà Lê Thị Thùy L không có tài sản chung và nợ chung; bà Lê Thị Thùy L thì vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” thì ông Lưu Như C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lưu Như C đã nộp tại biên lai thu số 06751 ngày 02/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lưu Như C đối với bà Lê Thị Thùy L.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lưu Như C được ly hôn với bà Lê Thị Thùy L (Giấy chứng nhận kết hôn số 210, quyển số 02/2006 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 10 năm 2006).

2. Về con chung: giao con Lưu Thiên Tr, sinh ngày 27/9/2007 cho ông Lưu Như C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Lưu Như C phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lưu Như C đã nộp tại biên lai thu số 06751 ngày 02/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát q. S;
- Những người tham gia tố tụng
- UBND phường T, q. S;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

